

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 43/2021/DS-ST
Ngày 08 tháng 3 năm 2021
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thanh Tùy.

2. Ông Lý Việt Chân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện VKSND huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 08/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 710/2020/TLST-DS ngày 14/8/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 07/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02a/2021/QĐST-DS ngày 22/02/2021 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 710 ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 7, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Bà Võ Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 45, đường LD, thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị S.

Địa chỉ: Thôn TT 2, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, bản tự khai của bà Võ Thị H, và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Đ, và Võ Thị H trình bày:

Qua quen hệ quen biết, bà Nguyễn Thị Đ cho bà Trần Thị S vay tổng số tiền 129.500.000 đồng, chia 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất vào ngày 27/8/2017 bà S vay 102.000.000đ.
- Lần thứ hai vào ngày 19/10/2017 bà S vay 27.500.000đ.

Bà Shen hạn trả nợ cho bà Đ vào ngày 31/12/2017. Tuy nhiên đến hạn trả nợ mặc dù bà Đ yêu cầu bà Strả nợ nhiều lần nhưng bà Svẫn không trả nợ cho bà Đ. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà Strả cho bà Đ số tiền gốc là 129.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và hòa giải vụ án nhiều lần, tuy nhiên, bị đơn bà Trần Thị S đều vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện KP phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn cư trú tại huyện KP nên Toà án nhân dân huyện KP thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị S phải trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ số tiền gốc là tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: HĐXX xác định quan hệ pháp tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn TT 2, xã HA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện KP thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Trần Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bà Trần Thị S phải trả cho bà Đ số tiền 129.500.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp dựa trên giấy vay tiền ngày 27/8/2017 giữa bà Đ và bà S

Do bị đơn không hợp tác làm việc, để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án, nguyên đơn đã yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị S tại giấy mượn tiền ngày 27/8/2017 giữa bà Đ và bà S do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án so với chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị S trong Biên bản giao nhận văn bản tố tụng giữa cán bộ Tòa án và bà Trần Thị S. (các tài liệu so sánh đều do Tòa án thu)

Tại kết luận giám định số 195 ngày 17/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị S tại dòng chữ 06,07 và 12,13 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định kí hiệu Á so với chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị S trên mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.

Căn cứ vào kết quả giám định, trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dân sự vay tài sản. Đến hạn trả nợ, bà Trần Thị S không trả nợ cho bà Đ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị S phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 129.500.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3] Về lãi xuất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền 129.500.000đ tiền gốc kể từ ngày 01/01/2018 cho tới ngày xét xử vụ án. Xét thấy trong giấy vay tiền ngày 27/8/2017 thì các đương sự không thoả thuận lãi suất và nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó cần chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn kể từ ngày 01/01/2018 cho tới ngày xét xử: **129.500.000đ x 10% x thời hạn chậm trả 03 năm 02 tháng 14 ngày = 41.511.000 đồng.**

[4] Về chi phí giám định: Căn cứ vào Điều 161 Bộ luật tố tụng Dân sự, do bà Trần Thị S cố tình không hợp tác làm việc tại Tòa án nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và kết quả giám định xác định đúng chữ ký, chữ viết là của bà Trần Thị S. Do đó bà S phải chịu tiền chi phí giám định là 4.320.000đồng. Bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại 4.320.000đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của bà Trần Thị S.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ chi phí tạm ứng giám định còn lại là 680.000đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Trần Thị S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.
Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí DSST.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 160; Điều 161; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Trần Thị S phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền 171.011.000 đồng (*Một trăm bảy mươi một triệu không trăm mười một nghìn đồng*). Trong đó số tiền gốc là 129.500.000đ và 41.511.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về chi phí giám định: Buộc Trần Thị S phải chịu tiền chi phí giám định là 4.320.000đồng. bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại 4.320.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của bà Trần Thị S.

[3] Về án phí: Buộc Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 8.550.000đồng (*Tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 3.237.500đồng (*Ba triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KP, theo biên lai số: 0015871 ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Trần Đôn

